BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 31
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp Sáng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 18 tháng 05 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Ông Đặng Duy Hợp	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Trung Kiên	Ủy viên
Ông Vũ Thái Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Duy Hợp	Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Anh Đào	Trưởng ban
Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên
Ông Tấn Lộc Louis	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Đặng Duy Hợp
Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

Số: 220323.003 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp Sáng được lập ngày 20 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp Sáng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Khoản d, Điều 34, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom), theo đó Công ty phải đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng. Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Công ty chưa hoàn tất các thủ tục theo quy định để đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Ngô Minh Quý	**Đào Trung Thành**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1	Số: 4700-2019-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**12.150.056.235**	**8.052.422.976**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	03	**420.778.953**	**2.635.640.976**
111	1. Tiền		269.400.963	235.640.976
112	2. Các khoản tương đương tiền		151.377.990	2.400.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	04	**11.109.662.834**	**4.972.432.648**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.109.662.834	4.972.432.648
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**479.192.323**	**137.106.511**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	2.928.163.746	2.910.483.844
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		54.270.000	45.562.500
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	06	3.560.000.000	3.560.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	2.190.401.030	1.874.702.620
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.253.642.453)	(8.253.642.453)
140	**IV. Hàng tồn kho**	09	**2.355.341**	**21.020.322**
141	1. Hàng tồn kho		1.108.192.287	1.198.402.663
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.105.836.946)	(1.177.382.341)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**138.066.784**	**286.222.519**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	30.694.485	152.539.233
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		26.065.205	56.376.192
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	81.307.094	77.307.094
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**49.977.951.661**	**48.805.138.365**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**922.187.970**	**922.187.970**
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	922.187.970	922.187.970
220	**II. Tài sản cố định**		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	-	-
222	- *Nguyên giá*		*188.882.984*	*188.882.984*
223	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(188.882.984)*	*(188.882.984)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- *Nguyên giá*		*57.600.000*	*57.600.000*
229	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(57.600.000)*	*(57.600.000)*
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	04	**48.805.000.000**	**47.600.008.610**
251	1. Đầu tư vào công ty con		8.796.340.000	8.796.340.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		52.752.000.000	52.752.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.548.340.000)	(19.548.331.390)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.805.000.000	5.600.000.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**250.763.691**	**282.941.785**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	250.763.691	282.941.785
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**62.128.007.896**	**56.857.561.341**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**2.132.286.258**	**1.882.040.460**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**983.658.668**	**855.381.176**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	67.674.796	81.032.971
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.358.294	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	15.939.637	6.093.054
314	4. Phải trả người lao động		265.336.230	126.470.060
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	109.644.222	77.087.498
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	22.870.968	34.230.645
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	471.338.481	502.970.908
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		27.496.040	27.496.040
330	**II. Nợ dài hạn**		**1.148.627.590**	**1.026.659.284**
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.148.627.590	1.026.659.284
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**59.995.721.638**	**54.975.520.881**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	18	**59.995.721.638**	**54.975.520.881**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.290.800.000	80.290.800.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*80.290.800.000*	*80.290.800.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		374.000.000	374.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		426.849.623	426.849.623
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.984.480	11.984.480
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(9.967.302.465)	(14.987.503.222)
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*(14.987.503.222)*	*(19.255.771.908)*
421b	*LNST chưa phân phối kỳ này*		*5.020.200.757*	*4.268.268.686*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**62.128.007.896**	**56.857.561.341**

S.Đ.K.K.D: 0304392302 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG QUẬN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH

Vũ Việt Hương	**Vũ Việt Hương**	**Đặng Duy Hợp**
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**	**6.757.204.589**	**7.510.555.059**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**6.757.204.589**	**7.510.555.059**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**21**	**6.195.464.248**	**5.830.481.014**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**561.740.341**	**1.680.074.045**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.107.487.628	3.967.652.162
22	7. Chi phí tài chính		8.610	1.652.900
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	13.073.650	1.640.001
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	1.665.298.098	1.381.913.348
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**4.990.847.611**	**4.262.519.958**
31	11. Thu nhập khác	25	29.378.613	5.751.353
32	12. Chi phí khác		25.467	2.625
40	**13. Lợi nhuận khác**		**29.353.146**	**5.748.728**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**5.020.200.757**	**4.268.268.686**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**5.020.200.757**	**4.268.268.686**

Vũ Việt Hương
Người lập

Vũ Việt Hương
Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp
Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	*1. Lợi nhuận trước thuế*		*5.020.200.757*	*4.268.268.686*
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Các khoản dự phòng		(71.536.785)	119.888.705
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.107.487.628)	(3.967.652.162)
08	*3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*		*(1.158.823.656)*	*420.505.229*
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(8.184.665)	710.130.863
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		90.210.376	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		250.245.798	(591.611.072)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		154.022.842	(367.204.397)
20	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*		*(672.529.305)*	*171.820.623*
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.347.230.186)	(5.600.000.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.005.000.000	2.973.842.680
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.799.897.468	4.550.210.022
30	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*		*(1.542.332.718)*	*1.924.052.702*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(2.214.862.023)**	**2.095.873.325**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**2.635.640.976**	**539.767.651**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**03**	**420.778.953**	**2.635.640.976**

Vũ Việt Hương	**Vũ Việt Hương**	**Đặng Duy Hợp**
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 18 tháng 05 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.290.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 80.290.800.000 đồng; tương đương 8.029.080 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 04 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 03 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh mua bán các thiết bị điện tử, cho thuê văn phòng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán thiết bị điện tử;
- Đại lý dịch vụ viễn thông.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu ... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	10 - 20 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí tiền điện, tiền nước phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty từ hoạt động chủ yếu là cho thuê văn phòng và phát sinh tại thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	3.429.182	6.081.348
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	265.971.781	229.559.628
Các khoản tương đương tiền (*)	151.377.990	2.400.000.000
	420.778.953	**2.635.640.976**

(*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 151.377.990 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 4,6%/năm .

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	**11.109.662.834**	-	**4.972.432.648**	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	11.109.662.834	-	4.972.432.648	-
Đầu tư dài hạn	**6.805.000.000**	-	**5.600.000.000**	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (2)	5.705.000.000	-	5.600.000.000	-
- Trái phiếu (3)	1.100.000.000	-	-	-
	17.914.662.834	-	**10.572.432.648**	-

(1) Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 11.109.662.834 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 9,5%/năm.

(2) Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư dài hạn là tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng có giá trị 5.705.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 11với lãi suất từ 5,3%/năm đến 11%/năm.

(3) Hợp đồng chuyển nhượng Trái phiếu số 56/DN/VIG-DIS HCM/BOND.TPS.2020.04 ngày 23/06/2022; với các điều khoản chi tiết sau:

- Nhà phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong
- Số lượng: 10.940 Trái Phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/Trái phiếu;
- Ngày phát hành: 31/08/2020;
- Ngày đáo hạn: 31/08/2023;
- Lãi suất : 9,2%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.100.000.000 VND;

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	(%)	VND	VND	(%)
Đầu tư vào Công ty con	**8.796.340.000**	**(8.796.340.000)**		**8.796.340.000**	**(8.796.331.390)**	
- Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov (1)	8.796.340.000	(8.796.340.000)	77,77	8.796.340.000	(8.796.331.390)	77,77
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	**52.752.000.000**	**(10.752.000.000)**		**52.752.000.000**	**(10.752.000.000)**	
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	42.000.000.000	-	26,25	42.000.000.000	-	26,25
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam (2)	10.752.000.000	(10.752.000.000)	38,00	10.752.000.000	(10.752.000.000)	38,00
	61.548.340.000	**(19.548.340.000)**		**61.548.340.000**	**(19.548.331.390)**	

(1) Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov đang trong tạm ngừng kinh doanh chỉ duy trì hoạt động của bộ phận quản lý.

(2) Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang trong giai đoạn ngừng hoạt động để làm thủ tục giải thể tuy nhiên các thủ tục giải thể chưa hoàn tất.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh 30.

Đầu tư vào đơn vị khác: Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Thành phố Hồ Chí Minh	77,77%	77,77%	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Cho thuê văn phòng
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***2.523.826.273***	***(2.523.826.273)***	***2.523.826.273***	***(2.523.826.273)***
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	(2.315.128.251)	2.315.128.251	(2.315.128.251)
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	208.698.022	(208.698.022)	208.698.022	(208.698.022)
Bên khác	***404.337.473***	***(339.073.848)***	***386.657.571***	***(339.073.848)***
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	44.083.051	(44.083.051)	44.083.051	(44.083.051)
Công ty TNHH Home Shopping Việt Nam	42.000.020	(42.000.020)	42.000.020	(42.000.020)
Các khách hàng khác	318.254.402	(252.990.777)	300.574.500	(252.990.777)
	2.928.163.746	**(2.862.900.121)**	**2.910.483.844**	**(2.862.900.121)**

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan						
- Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	1.800.000.000	(1.800.000.000)	-	-	1.800.000.000	(1.800.000.000)
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	(1.760.000.000)	-	-	1.760.000.000	(1.760.000.000)
	3.560.000.000	**(3.560.000.000)**	-	-	**3.560.000.000**	**(3.560.000.000)**

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	342.848.698	-	35.258.538	-
Tạm ứng	10.400.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	2.910.000	-	2.910.000	-
Phải thu người lao động đã nghỉ	852.426.332	(852.426.332)	852.426.332	(852.426.332)
Phải thu khác	981.816.000	(978.316.000)	984.107.750	(978.316.000)
	2.190.401.030	**(1.830.742.332)**	**1.874.702.620**	**(1.830.742.332)**
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	**951.900.000**	**(951.900.000)**	**951.900.000**	**(951.900.000)**
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	90.000.000	(90.000.000)	90.000.000	(90.000.000)
Bên khác	**1.238.501.030**	**(878.842.332)**	**922.802.620**	**(878.842.332)**
Phải thu ngân hàng về lãi dự thu	67.007.858	-	35.258.538	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	275.840.840	-	-	-
Hứa Công Nghiệp	318.061.485	(318.061.485)	318.061.485	(318.061.485)
Trần Thị Thanh Phương	260.565.691	(260.565.691)	260.565.691	(260.565.691)
Khác	317.025.156	(300.215.156)	308.916.906	(300.215.156)
	2.190.401.030	**(1.830.742.332)**	**1.874.702.620**	**(1.830.742.332)**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	922.187.970	-	922.187.970	-
	922.187.970	**-**	**922.187.970**	**-**
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	**4.500.000**	**-**	**4.500.000**	**-**
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	4.500.000	-	4.500.000	-
Bên khác	**917.687.970**	**-**	**917.687.970**	**-**
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Coop	917.687.970	-	917.687.970	-
	922.187.970	**-**	**922.187.970**	**-**

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	4.937.028.251	-	4.937.028.251	-
- Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	2.098.698.022	-	2.098.698.022	-
- Các khoản khác	1.217.916.180	-	1.217.916.180	-
	8.253.642.453	**-**	**8.253.642.453**	**-**

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.995.341	-	934.091	-
Hàng hoá	1.086.110.715	(1.085.750.715)	1.177.382.341	(1.177.382.341)
Hàng gửi đi bán	20.086.231	(20.086.231)	20.086.231	-
	1.108.192.287	**(1.105.836.946)**	**1.198.402.663**	**(1.177.382.341)**

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2022 là 188.882.984 đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại 31/12/2022 là 57.600.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	11.000.000
	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	30.694.485	141.539.233
		30.694.485	**152.539.233**
b)	**Dài hạn**		
	Chi phí sửa chữa	235.794.816	275.609.825
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.968.875	7.331.960
		250.763.691	**282.941.785**

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Hòa Sơn	24.300.000	24.300.000	24.750.000	24.750.000
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình Dương	10.735.200	10.735.200	9.030.076	9.030.076
Phải trả người bán khác	32.639.596	32.639.596	47.252.895	47.252.895
	67.674.796	**67.674.796**	**81.032.971**	**81.032.971**

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	77.307.094	-	-	-	77.307.094	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	6.093.054	11.872.109	2.025.526	-	15.939.637
Các loại thuế khác	-	-	4.024.362	8.024.362	4.000.000	-
	77.307.094	**6.093.054**	**15.896.471**	**10.049.888**	**81.307.094**	**15.939.637**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện, nước	49.298.058	34.993.752
Trích trước chi phí bảo trì, bảo dưỡng	-	800.000
Chi phí phải trả khác	60.346.164	41.293.746
	109.644.222	**77.087.498**

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận tiền trước	22.870.968	34.230.645
	22.870.968	**34.230.645**

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	4.595.842	3.875.956
- Bảo hiểm y tế	6.361.065	6.349.365
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.068.874	4.066.274
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	173.497.600	205.249.213
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	615.000
	471.338.481	**502.970.908**
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.148.627.590	1.026.659.284
	1.148.627.590	**1.026.659.284**
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
	282.815.100	**282.815.100**

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	**80.290.800.000**	**374.000.000**	**(11.140.610.000)**	**426.849.623**	**11.984.480**	**(19.255.771.908)**	**50.707.252.195**
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	4.268.268.686	4.268.268.686
Số dư cuối kỳ trước	**80.290.800.000**	**374.000.000**	**(11.140.610.000)**	**426.849.623**	**11.984.480**	**(14.987.503.222)**	**54.975.520.881**
Số dư đầu kỳ này	**80.290.800.000**	**374.000.000**	**(11.140.610.000)**	**426.849.623**	**11.984.480**	**(14.987.503.222)**	**54.975.520.881**
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	5.020.200.757	5.020.200.757
Số dư cuối kỳ này	**80.290.800.000**	**374.000.000**	**(11.140.610.000)**	**426.849.623**	**11.984.480**	**(9.967.302.465)**	**59.995.721.638**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	9.880.440.000	12,31	9.880.440.000	12,31
Các cổ đông khác	59.269.750.000	73,82	59.269.750.000	73,82
Cổ phiếu quỹ	11.140.610.000	13,87	11.140.610.000	13,87
	80.290.800.000	**100**	**80.290.800.000**	**100**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu kỳ*	*80.290.800.000*	*80.290.800.000*
- *Vốn góp cuối kỳ*	***80.290.800.000***	***80.290.800.000***
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	282.815.100	282.815.100
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	**282.815.100**	**282.815.100**

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	*8.029.080*	*8.029.080*
- *Cổ phiếu phổ thông*		
Số lượng cổ phiếu được mua lại *(cổ phiếu quỹ)*	*1.114.061*	*1.114.061*
- *Cổ phiếu phổ thông*		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	*6.915.019*	*6.915.019*
- *Cổ phiếu phổ thông*		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	426.849.623	426.849.623
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	11.984.480
	438.834.103	**438.834.103**

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng tòa nhà của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op (xem thông tin tại mục b thuyết minh này) theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31/12/2022, các khoản tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- *Từ 1 năm trở xuống*	*5.533.371.030*	*7.510.524.019*

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê mặt bằng tòa nhà của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op theo hợp đồng 03/HĐ-SCID/2018 ngày 18/12/2018 và Phụ lục số 01/2022 ngày 30/09/2022. Tại ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- *Từ 1 năm trở xuống*	*5.756.406.360*	*5.005.570.745*
- *Trên 1 năm đến 5 năm*	*11.512.812.720*	-

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	89.794.444	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.667.410.145	7.510.555.059
	6.757.204.589	**7.510.555.059**

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	93.862.460	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.173.147.183	5.830.481.014
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(71.545.395)	-
	6.195.464.248	**5.830.481.014**

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	988.737.628	581.402.162
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.118.750.000	3.386.250.000
	6.107.487.628	**3.967.652.162**
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan *(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 30)*	**5.118.750.000**	**3.386.250.000**

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.403.750	-
Chi phí nhân công	4.255.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.414.900	1.640.001
	13.073.650	**1.640.001**

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.556.544	31.633.864
Chi phí nhân công	880.219.868	686.881.588
Chi phí dự phòng	-	119.888.705
Thuế, phí, và lệ phí	4.669.399	4.222.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	759.806.785	501.929.272
Chi phí khác bằng tiền	1.045.502	37.357.697
	1.665.298.098	**1.381.913.348**
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan	**17.850.000**	**16.650.000**
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 30)		

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ chương trình khuyến mãi được hưởng	15.656.250	-
Thu nhập từ thanh lý CCDC	727.273	-
Thu nhập khác	12.995.090	5.751.353
	29.378.613	**5.751.353**

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.020.200.757	4.268.268.686
Các khoản điều chỉnh tăng	60.861.000	34.791.000
- *Chi phí không hợp lệ*	*60.861.000*	*34.791.000*
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.118.750.000)	(4.303.059.686)
- *Cổ tức, lợi nhuận được chia*	*(5.118.750.000)*	*(3.386.250.000)*
- *Chuyển lỗ các kỳ trước*	-	*(916.809.686)*
Thu nhập chịu thuế TNDN	(37.688.243)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(77.307.094)	(77.307.094)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	**(77.307.094)**	**(77.307.094)**

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.598.746	82.751.112
Chi phí nhân công	884.474.868	686.881.588
Chi phí dự phòng	-	119.888.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.553.410.180	1.380.835.091
Chi phí khác bằng tiền	5.382.035.137	4.943.677.867
	7.851.518.931	**7.214.034.363**

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của trái phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Đầu tư dài hạn	-	1.100.000.000	-	1.100.000.000
	-	**1.100.000.000**	**-**	**1.100.000.000**

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	420.778.953	-	-	420.778.953
Phải thu khách hàng, phải thu khác	424.922.323	922.187.970	-	1.347.110.293
Các khoản cho vay	11.109.662.834	6.805.000.000	-	17.914.662.834
	11.955.364.110	**7.727.187.970**	**-**	**19.682.552.080**
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.635.640.976	-	-	2.635.640.976
Phải thu khách hàng, phải thu khác	91.544.011	922.187.970	-	1.013.731.981
Các khoản cho vay	4.972.432.648	5.600.000.000	-	10.572.432.648
	7.699.617.635	**6.522.187.970**	**-**	**14.221.805.605**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	539.013.277	1.148.627.590	-	1.687.640.867
Chi phí phải trả	109.644.222	-	-	109.644.222
	648.657.499	**1.148.627.590**	**-**	**1.797.285.089**
Tại ngày 01/01/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	584.003.879	1.026.659.284	-	1.610.663.163
Chi phí phải trả	77.087.498	-	-	77.087.498
	661.091.377	**1.026.659.284**	**-**	**1.687.750.661**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính	**5.118.750.000**	**3.386.250.000**
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	5.118.750.000	3.386.250.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**17.850.000**	**16.650.000**
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	17.850.000	16.650.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
- Ông Đặng Duy Hợp	Giám đốc	316.647.168	270.760.536
- Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	15.000.000	-
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	13.000.000	-
- Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên HĐQT	4.000.000	-
- Ông Vũ Thái Hà	Thành viên HĐQT	15.000.000	-
- Bà Lê Thị Anh Đào	Trưởng ban BKS	8.000.000	-
- Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên BKS	7.000.000	-
- Ông Tấn Lộc Louis	Thành viên BKS	10.000.000	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Vũ Việt Hương	**Vũ Việt Hương**	**Đặng Duy Hợp**
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 202.